|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NQ-HĐND  (DỰ THẢO) | *Vĩnh Long, ngày tháng năm 2025* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn, hỗ trợ kinh phí hoạt động và chính sách miễn, giảm giá vé vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn, hỗ trợ kinh phí hoạt động và chính sách miễn, giảm giá vé vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;* *Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết* *quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn, hỗ trợ kinh phí hoạt động và chính sách miễn, giảm giá vé vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn, hỗ trợ kinh phí hoạt động và chính sách miễn, giảm giá vé vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân vay vốn tại tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án đầu tư phương tiện xe buýt; các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; cá nhân sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan.

**Điều 2. Nguyên tắc áp dụng**

1. Dự án đầu tư phương tiện xe buýt phải phù hợp với Danh mục mạng lưới tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và lộ trình chuyển đổi năng lượng xanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chính sách hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; miễn, giảm giá vé sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên cơ sở nguồn lực của tỉnh và được cân đối bố trí hằng năm.

3. Trong trường hợp cùng thời gian, một số nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ từ các chương trình, dự án khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ cao nhất.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân có phương tiện được hỗ trợ lãi suất đầu tư mà chấm dứt phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long trước khi hết thời hạn hỗ trợ lãi suất, thì thời gian hỗ trợ lãi suất được tính đến thời điểm ngừng phục vụ hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

5. Kinh phí hỗ trợ phải được thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật, tiết kiệm, công khai minh bạch, đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả.

**Điều 3. Hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với dự án đầu tư phương tiện xe buýt**

1. Điều kiện được hỗ trợ

a) Có dự án đầu tư mới phương tiện xe buýt chưa qua sử dụng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định pháp luật để phục vụ vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

b) Có vay vốn tại các tổ chức tín dụng để thực hiện dự án đầu tư mới phương tiện xe buýt chưa qua sử dụng và sử dụng đúng mục đích vốn vay.

c) Đơn vị kinh doanh vận tải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô trong đó có loại hình vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Được tính theo tổng số tiền vay nhưng tối đa không vượt quá 85% tổng mức đầu tư của dự án (thực tế đưa vào hoạt động tại tỉnh Vĩnh long) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Mức hỗ trợ lãi suất: Bằng 50% lãi suất phải trả thực tế trong hạn mức theo thời gian hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Thời gian hỗ trợ: Theo thời hạn hợp đồng vay vốn của tổ chức tín dụng nhưng tối đa không qua 120 tháng (mười năm).

**Điều 4. Hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

1. Tuyến xe buýt được hỗ trợ giá vận chuyển

a) Các tuyến xe buýt nội tỉnh đến các địa bàn xa trung tâm hành chính tỉnh.

b) Tuyến xe buýt được công bố mở mới theo danh mục tuyến được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Các tuyến xe buýt đang khai thác (đang còn thời hạn khai thác theo hợp đồng) mà có đầu tư phương tiện mới theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 của quy định này.

2. Mức hỗ trợ giá vận chuyển

Hỗ trợ 20% giá vé/ghế thiết kế/lượt xe[[1]](#footnote-1) theo giá vé do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng với đơn vị kinh doanh vận tải.

3. Thời hạn hỗ trợ giá vận chuyển

a) Các tuyến quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được thực hiện theo thời hạn hợp đồng khai thác tuyến do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết với đơn vị kinh doanh vận tải.

b) Các tuyến quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được hỗ trợ 36 tháng kể từ ngày đưa phương tiện vận tải vào hoạt động hoặc từ ngày được tính hỗ trợ.

**Điều 5. Miễn, giảm giá vé cho đối tượng sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt**

1. Điều kiện được miễn, giảm giá vé

a) Trẻ em dưới 6 tuổi: có Giấy khai sinh, thẻ căn cước hoặc giấy tờ hợp pháp khác chứng minh dưới 6 tuổi.

b) Người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật, hộ nghèo, người có công với cách mạng (Theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng): có giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp.

c) Người cao tuổi (Theo Luật người Cao tuổi): có căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc giấy tờ hợp pháp khác chứng minh là người cao tuổi.

d) Học sinh, sinh viên, người lao động tại các khu, cụm công nghiệp: có thẻ học sinh, sinh viên, thẻ làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc giấy tờ hợp pháp khác.

2. Mức hỗ trợ

a) Miễn giá vé: Trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng, người có công với cách mạng (Theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng) sinh sống trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

b) Giảm giá vé: giảm 50% giá vé đối với người cao tuổi (theo Luật người Cao tuổi), người khuyết tật, hộ nghèo; giảm 20% đối với học sinh, sinh viên đang học các trường, người lao động là công dân sinh sống trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long khi sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

3. Cơ chế hỗ trợ kinh phí thực hiện miễn, giảm giá vé

Đối với các tuyến xe buýt được hỗ trợ theo Điều 5 Nghị quyết này, ngân sách nhà nước không bố trí kinh phí riêng cho miễn/giảm giá vé; các tổ chức, cá nhân là đơn vị kinh doanh vận tải trích từ chính nguồn hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải công cộng bằng xe buýt đã nêu tại Điều 5 của Nghị quyết này.

**Điều 6. Xử lý trong trường hợp các tổ chức, cá nhân vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích**

Khi phát hiện tổ chức, cá nhân sử dụng vốn vay sai mục đích, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét dừng hoặc không cấp hỗ trợ lãi suất, yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn trả số tiền đã hỗ trợ (nếu có), và chỉ đạo thu hồi kinh phí theo quy định của pháp luật.

**Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện**

- Nguồn ngân sách tỉnh Vĩnh Long (sau sắp xếp);

- Các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

**Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 9. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa .., kỳ họp thứ … thông qua ngày tháng năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Chính phủ; - Các Bộ: Tài chính, Xây dựng; - Cục KTVB và Quản lý XLVPHC, Bộ Tư pháp; - Thường trực Tỉnh uỷ; - Thường trực HĐND tỉnh; - Đảng ủy UBND tỉnh; - Đảng ủy HĐND tỉnh; - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh; - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; - Đại biểu Quốc hội tỉnh; - Đại biểu HĐND tỉnh; - Các sở, ban, ngành tỉnh; - Ngân hàng Nhà nước KV5; - Các VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH và HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; - TT HĐND, UBND các xã, phường; - Báo và Đài PTTH Vĩnh Long, Cổng TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh; - Liên thông Hệ thống phần mềm HĐND; - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH** |

1. **Mức hỗ trợ 20% giá vé** áp dụng trên cơ sở mức giá vé do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng vận tải với đơn vị kinh doanh vận tải. Mức giá vé này là căn cứ pháp lý để tính toán khoản hỗ trợ. **Giá vé/ghế thiết kế/lượt xe** được hiểu là mức giá vé tương ứng cho mỗi ghế ngồi theo thiết kế trên xe trong một lượt xe chạy (một chuyến hành trình từ điểm xuất phát đến điểm kết thúc theo lịch trình đã đăng ký). [↑](#footnote-ref-1)